UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy

Thanh Hóa, 2021

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ ANH

(*Ban hành theo QĐ số 1729/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/09/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ*)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh được xây dựng lần đầu năm 2017 với mục tiêu đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Chương trình được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của các cơ sở đào tạo, các công ty, xí nghiệp và các tổ chức. Chương trình được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, góp ý từ các chuyên gia, giảng viên, và sinh viên. Chương trình xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài (Đại học York – Anh, Đại học quốc tế-Đại học Quốc gia TP HCM), các trường đại học trong nước (Đại học Hà Nội, Học viện Hàng không Việt Nam, Đại học Cần Thơ, Học viện Ngân Hàng, Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố HCM).

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 124 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung 35 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 89 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành 9 tín chỉ, kiến thức ngành 53 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 16 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp 11 tín chỉ). Tổng số học phần bắt buộc 37 (95 tín chỉ) và 11 học phần thay thế/tự chọn (29 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 7 học phần, 16 tín chỉ; và kỳ 8: 4 học phần, 14 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1062, giờ bài tập và thảo luận: 886, giờ thực hành: 729, giờ thực tập và khoá luận tốt nghiệp 235 giờ.

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở, các học phần kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 19 giảng viên có trình độ cao (2 TS, 3NCS, và 14 ThS), trong đó có 8 người được đào tạo ở nước ngoài. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy.... Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Language
Mã ngành đào tạo:	7220201
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức

Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (124 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (tiếng Anh bậc 5/6 và tiếng Pháp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.
Vị trí việc làm:	- Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,… - Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh; - Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn; - Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	Tháng 06 năm 2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân tiếng Anh có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có sức khỏe và có kiến thức ngành và chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu công việc đa lĩnh vực như biên - phiên dịch viên, chuyên viên tiếng Anh, cán bộ quản lý chuyên môn, nghiên cứu viên; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh; được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục tự học, tham

gia học tập ở các bậc cao hơn, rèn luyện những phẩm chất và kĩ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp quan trọng để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Đại học Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm sau đây:

PO1: Có hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh;

PO2: Có được hệ thống kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa Việt Nam; môi trường và con người; những vấn đề xã hội học đại cương; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa hóa Việt Nam.

PO3: Có kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT)

PO4: Đạt được kỹ năng, thao tác cơ bản trong nghiên cứu khoa học;

PO5: Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết); và năng lực sử dụng cơ bản với ngoại ngữ khác theo yêu cầu ngoại ngữ 2.

PO6: Được trang bị những kiến thức chuyên sâu về lý luận và kỹ năng dịch thuật;

PO7: Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các thao tác ngôn ngữ trong công việc biên phiên dịch;

PO8: Phát triển kỹ năng mềm như tư duy hệ thống, kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm, giao tiếp và quản lý thời gian trong học tập, nghiên cứu, có năng lực sáng tạo;

PO9: Tự học, tự tích luỹ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp;

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

PLO1: Phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những

vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo;

PLO2: Hiểu, phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam; các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; về môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội; Vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp;

PLO3:Trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn;

PLO4: Tiến hành được các công việc nghiên cứu khoa học về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

PLO5: Phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ Âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa) trong thực tiễn giao tiếp và chuyên môn;

PLO6: Đối chiếu và vận dụng được kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và để tránh được các vấn đề trong giao tiếp văn hóa;

PLO7: Áp dụng được kiến thức ngôn ngữ và chuyên ngành để đánh giá các văn bản sẽ sử dụng cho mục đích giao tiếp, dịch thuật và tác nghiệp ở môi trường làm việc;

2.2. Kỹ năng

PLO8: Thực hiện được các tình huống giao tiếp ngoại ngữ 2 trong thực tế giao tiếp. Đạt chuẩn ngoại ngữ 2 bậc 3/6 tương đương đối với các loại ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được đào tạo chính qui tại các cơ sở đào tạo hợp pháp trong hệ thống giáo dục quốc dân;;

PLO9: Sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói đọc viết) trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ thực tiễn của tiếng Anh; Đạt chuẩn đầu ra bậc 5 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương cấp độ C1 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ Anh;

PLO10: Sử dụng được các kỹ năng biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh để dịch câu, các thể loại văn bản khác nhau; năng lực phiên dịch đuổi Anh-Việt, Việt-Anh ở mức thành thạo;

PLO11: Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động chuyên môn: xác định và phân tích mục tiêu công việc, triển khai các giải pháp và khuyến nghị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

PLO12: Áp dụng kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, tự nghiên cứu, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

2.3. Thái độ

- Thể hiện niềm tin và lòng trung thành đối với đất nước; sự liêm chính và trách nhiệm với xã hội, công bằng và tôn trọng đồng nghiệp; thể hiện tầm nhìn và có kế hoạch trong công việc và trong cuộc sống;

- Thể hiện tính chủ động và sẵn sàng đưa ra quyết định, kiên trì, quyết tâm, linh hoạt trong công việc; thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực;

2.4. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PLO13: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong quá trình làm việc; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp trong quá trình biên phiên dịch tiếng Anh;

PLO14: Định hướng nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

PLO15: Tự học, tự tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO16: Kết luận, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT															
	Kiến thức							Kỹ năng					Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
PO1	4															
PO2		3														
PO3			3													
PO4				4				4	4							
PO5					4	5										
PO6							4						4			
PO7										4				4		3
PO8											4	4				4
PO9															4	

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học tiếng Anh vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

6.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 35 tín chỉ	Bắt buộc	23
		Tự chọn	12
2	Kiến thức cơ sở ngành, 9 tín chỉ	Bắt buộc	6
		Tự chọn	3
3	Kiến thức ngành 53 tín chỉ	Bắt buộc	53
		Tự chọn	0
4	Kiến thức bổ trợ, 16 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	8
5	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp, 11 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn, thay thế	6
Tổng số: 124 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức về lý luận chính trị				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần gồm*: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế -xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người. - *Năng lực đạt được*: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Bộ Giáo dục & ĐT, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia; 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần gồm*: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Bộ GD&ĐT, (2021) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2004), *Giáo trình Kinh tế*

			các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - *Năng lực đạt được:* Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	*chính trị Mác - Lênin Mác – Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng),* Nxb. Chính trị quốc gia. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần gồm:* Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - *Năng lực đạt được:* Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Bộ giáo dục và Đào tạo *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2005), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.

4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	- *Nội dung của học phần:* Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay. - *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia. 2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 12). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	- *Nội dung môn học gồm 6 chương*: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - ***Tài liệu tham khảo:***

			- *Năng lực đạt được:* Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.	2. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15) 3. Hội đồng Lý luận Trung ương (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần gồm:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biện được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân. 2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

II. Ngoại ngữ II (Chọn một trong hai học phần)				
7a	133069	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp (4 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Tiếng Pháp 1 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Mục tiêu chung của học phần là: sinh viên có khả năng hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Sinh viên có thể tự giới thiệu về bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Pháp một cách chậm rãi. Người học có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng pháp. Học phần tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếngPháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 ***« Tendances A1 » - Méthode de français***, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1) - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,(2015) ***Grammaire essentielle du français A1*** ,nxb Didier, 2. Gael Crepieux, (2016) Vocabulaire essentiel du Francais niveau A1, NXB Didier

			- *Năng lực đạt được:* Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ . **Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam**.	
8a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Tiếng Pháp 2 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 1, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. - *Năng lực đạt được:* + Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). + Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản,	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 ***« Tendances A1 » - Méthode de français***, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1) ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,(2015) ***Grammaire essentielle du français A1*** ,nxb Didier, 2. Gael Crepieux, (2016) Vocabulaire essentiel du Francais niveau A1, NXB Didier

			quen thuộc hằng ngày. + Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu. **Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.**	
9a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Tiếng Pháp 3 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 2, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường những kiến thức chuyên sâu hơn về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu phức, hai mệnh đề bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại hoặc phóng sự bằng tiếng Pháp. - Năng lực đạt được: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 ***« Tendances A1 » - Méthode de français***, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1) - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,(2015) ***Grammaire essentielle du français A1***, nxb Didier. 2. Gael Crepieux, (2016) Vocabulaire essentiel du Francais niveau A1, NXB Didier.

			việc, trường học, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình. **Kết thúc học phần, người học đạt trình độ trung cấp, bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.**	
7b	133009	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc (4 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyên các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu. *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hằng ngày bằng tiếng Trung Quốc. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ**, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2002. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ** tập 1 quyển hạ, NXB ĐH Sư phạm – Năm 2002. 2. Trương Văn Giới - **301 câu đàm thoại tiếng Hoa,** NXB Khoa học xã hội.
8b	133011	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung	*Nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắm cảnh v.v…	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ,* NXB ĐH Sư phạm, năm 2012. ***- Tài liệu tham khảo:***

		Quốc (3 tín chỉ)	*Năng lực đạt được:* Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe , nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hang ngày, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực.Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), *Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002.
9b	133010	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hang ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập. *Năng lực đạt được:* Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực.Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ,* NXB ĐHSP, năm 2012. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng,* NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002. 2. Trương Văn Giới, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa,* NXB Khoa học xã hội.
III. Tin học, KHXH, Môi trường				
10	173080	Tin học	- *Nội dung học phần:* Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, *Giáo trình tin học cơ sở,* NXB Thông tin và truyền thông, năm 2015. - **Tài liệu tham khảo:** 1. Lê Thị Hồng, *Tin học cơ bản*, NXB KHKT, năm

			kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint. - *Năng lực đạt được:* sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.	2020. 2. Hàn Viết Thuận, *Giáo trình tin học đại cương,* NXB ĐH Kinh tế quốc dân, năm 2007.
11	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần gồm:* Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Trần Quốc Vượng (2006), *Cơ sở văn hoá Việt Nam,* NXB Giáo dục. 2. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương,* Nxb.Văn học
12	121105	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Con người và môi trường* , Nxb GDVN ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011),

			người đến môi trường; thực trang, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,… trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.	*Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD. 2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14)*
13	132001	PPNCKH chuyên ngành TA (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được khái niệm về nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu và các giai đoạn và các bước trong nghiên cứu, biết cách xác định đề tài nghiên cứu, xác định phạm vi đề tài, đặt tên đề tài nghiên cứu, lập kế hoach nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu phục vụ đề tài nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, biết sử dụng các công cụ hỗ	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Eli Hinkel. (2011). Handbook of research in second language Teaching and learning. Routledge. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. David Nunan. (1992). *Research methods in language learning*. Cambridge University Press. 2. Vũ Cao Đàm. (2018). Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục Việt Nam.

			trợ để tiến hành nghiên cứu, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hiểu được các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, biết phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.	
14	181145	Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Khái quát chung về khoa học tâm lí ; Hoạt động, giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức ; Nhân cách, sự hình thành phát triển nhân cách. *Năng lực đạt được*: Trên cơ sở lĩnh hội nội dung học phần sinh viên hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Quang Uẩn, *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, năm 2018. **- Tài liệu tham khảo:** 1. Nguyễn Xuân Thức, *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, năm 2017. 2. Phan Trọng Ngọ, *Câu hỏi và tình huống học tập môn Tâm lý học*, NXB GD, năm 2016. 3. Trần Trọng Thuỷ, *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002.
15	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	123240	Xã hội học đại cương	*Nội dung học phần:* Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội…, phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác. *Năng lực đạt được*: Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2008. **- Tài liệu tham khảo:** 1. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2001. 2. Nguyễn Sinh Huy, *Xã hội học đại cương*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2008.
b	122005	Các vấn	*Nội dung học phần:* Khái niệm và các điều	**- Tài liệu bắt buộc:**

		đề xã hội đương đại	kiện hình thành các vấn đề xã hội. Các đặc trưng cơ bản của các vấn đề xã hội, việc phân loại các vấn đề xã hội, đặc trưng của một số vấn đề xã hội phổ biến trong xã hội hiện nay: vấn đề nghèo đói, vấn đề mại dâm, vấn đề HIV/AIDS, vấn đề ma túy, vấn đề người khuyết tật…. Phân tích, tiếp cận các vấn đề xã hội từ góc độ lí thuyết và đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề xã hội trong cuộc sống. *Năng lực đạt được:* Sinh viên có năng lực phân tích nguồn gốc vấn đề, phạm vi, mức độ tác động đến xã hội và đưa ra được chương trình can thiệp đến các vấn đề xã hội đó. Ngoài ra sinh viên biết vận dụng linh hoạt các vai trò của mình trong giải quyết các vấn đề xã hội khác nhau.	1. Phạm Di, *Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng*, NXB CTQGST, năm 2018. **- Tài liệu tham khảo:** 1. Nguyễn Tuấn Anh, *Giáo trình chính sách xã hội*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2021.
IV. Giáo dục thể chất				
	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn ngốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân. - *Năng lực đạt được:* - Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác. - Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*. Nxb TDTT, Hà Nội. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TDTT, Hà Nội. 2. Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu* , NXB ĐHSP. 3. Tổng cục TDTT (2016), *Luật thi đấu Đá cầu*, NXB

			thuật nhảy xa. - Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa	TDTT.
Giáo dục thể chất 2 *chọn 1 trong 5 học phần*				
	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng) - *Năng lực đạt được:* Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đấp bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. Nguyễn Viết Minh (2007), *Giáo trình Bóng chuyền,* NXB ĐHSP. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Uỷ ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền – luật Bóng chuyền bãi biển,* NXB, TDTT. 2. Đinh Văn Lẫm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền,* NXB TDTT, Hà Nội.
	191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thể cơ bản của tay, các bước	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN. ***- Tài liệu tham khảo:***

			cơ bản chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện - *Năng lực đạt được:* Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu; Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khoẻ, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic	1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lẫm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn *(*2009) *Thể dục*; TDTT HN. 2. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT.
	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần*: Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá; Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu*;* Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản*;* Hiểu được một số điểm của luật	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Tổng cục TDTT, (2011) *Luật thi đấu Bóng đá 5 người , Nxb TDTT*. 2. TS. Phạm Quang, *Giáo trình Bóng đá*, Nxb ĐHSP, Hà Nội 2007
	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công,	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Uỷ ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ,* NXB TDTT.

			Chiến thuật phũng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ; - *Năng lực đạt được:* Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.	2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.
	191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đinh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam. - *Năng lực đạt được:* Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) "*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)*" tập 1, NXB TDTT. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong luyện tập và thi đấu Vovinan – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)* 2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thế Nhu khí công quyền 2,* NXB TDTT, HN.

			đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).	
V. Giáo dục quốc phòng				
	Học phần 1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lich sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. - *Năng lực đạt được:* + Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liện hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và	***- Giáo trình bắt buộc:*** 1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Giáo trình *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc,* Nxb Giáo dục Việt Nam. 2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

			tham gia các phong trào hành động cách mạng. + Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.	
	Học phần 2	Công tác quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. - *Năng lực đạt được:* + Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liện hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1,* Nxb. Giáo dục. 2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012.*Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự,* Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. *Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh, 2017.* 2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh, Nxb. Giáo dục.*

			trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. + Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.	
	Học phần 3	Quân sự chung (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần*: Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác. - *Năng lực đạt được:* Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này. Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Thuần thục cách sử dụng bản đồ. Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2.* NXB giáo dục Việt Nam. ***- Tài liệu tham khảo:*** 2. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung,* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng). 3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam.* NXB Quân đội nhân dân. 4. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

			Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.	
	Học phần 4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỹ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra. - *Năng lực đạt được:* Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định. Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra. Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự. Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1.Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1,* NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
I. Kiến thức cơ sở ngành				
16	131076	Ngữ pháp	- *Nội dung học phần*: Học phần Ngữ pháp nhằm	- ***Tài liệu bắt buộc:***

		(3 tín chỉ)	cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh. - *Năng lực đạt được*: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở dạng thực hành và lý thuyết; có cái nhìn tổng thể hơn về kiến thức ngôn ngữ Anh nói chung và ngữ pháp thực hành trong tiếng Anh, có khả năng vận dụng những nội dung đã học vào giải quyết các bài tập ngữ pháp tiếng Anh, viết câu tiếng Anh đúng. Có khả năng nói và viết đúng thì trong tiếng Anh, các dạng cấu trúc căn bản tiếng Anh.	1. Mark Foley and Danie Hall, My GrammarLab – *Intermediate B1/2*. Pearson Education Limited. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. L.G Alexander (1998), *Longman English Grammar*, Longman Limited. 2. Thompson, A., Martinetz, A. , *A Practical English Grammar*, Oxford University Press.
17	132034	Ngữ pháp nâng cao (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các nội dung: từ loại (động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, liên từ, giới từ), câu, mệnh đề; kiến thức ngữ pháp nâng cao học thuật và kiến thức ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày. Mỗi bài học gồm phần lý thuyết và bài tập thực hành nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức nền và rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên. *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại, sự hình thành và cấu tạo từ, tỉnh lược, rút gọn, ... Sinh viên có thể phân biệt và sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trang trọng và các	**- Tài liệu bắt buộc:** 1. R.Quirk & S. Greenbaum (1986). *A university grammar of English*. Longman. **- Tài liệu tham khảo:** 1. Mark Foley and Diane Hall. *My grammar lab-Intermediate B1/2.* Pearson education limited.

			cấu trúc ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày.	
18	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	123100	Ngữ âm – Âm vị học (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính vv *Năng lực đạt được:* Sinh viên phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Peter Roach. (2009). *English Phonetics and Phonology*. NXB Cambridge: CUP - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyen Quoc Hung (2009). *Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ*. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh 2. Anne Baker (2000). *Sheep or Ship*. Cambridge: CUP
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh 3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Miêu tả và luyện phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv… nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv… và ngữ điệu câu. Rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số âm đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv… *Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể nhận biết được và phát âm chính xác các âm tiếng Anh,	- **Tài liệu bắt buộc:** 1. Handcock, M (2008). *English pronunciation in use*. Cambridge. - **Tài liệu tham khảo:** 1. Nguyễn Quốc Hùng, *Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ*, NXB Tổng hợp HCM, năm 2009. 2. Yates, J (2005). *Pronounce it perfectly in English*. Barron.

			phiên âm các từ khi nghe âm thanh của từ đó, phân biệt được các hiện tượng như nuốt âm, nối âm vv... trong tiếng Anh.	
II. Kiến thức ngành				
19	132022	Lý thuyết dịch (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung về nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên – phiên dịch, các phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Anh - Việt và Việt – Anh, phương pháp đánh giá chất lượng bản dịch. *Năng lực đạt được:* Người học vận dụng các kiến thức về khái niệm biên phiên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên phiên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên phiên dịch.kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việtvà đánh giá bản dịch.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Newmark, P. (1998). *A textbook of translation.* NXB Pearson ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyễn Thị Kiều Thu, Bài Giảng: "Lý Thuyết Dịch"
20	132011	Biên dịch 1 (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về lựa chọn từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; các phương pháp dịch thuật; từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường. *Năng lực đạt được:* Người học có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản từ tiếng Anh	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Margaret Rogers, (1999), *Word, test, translation*, NXB Multilingual Matters ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Lê Hoàng, Luyện dịch Việt – *Anh với cấu trúc tiếng anh đặc biệt*- NXB Thanh Niên

			sang tiếng Việt và ngược lại các văn bản về các chủ đề thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường dựa trên kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu thông thường.	
21	132014	Biên dịch 2 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các kỹ năng chuyên sâu hơn về dịch thuật với những văn bản phức tạp hơn ở học phần Biên dịch 1. Các vấn đề được đề cập đến trong học phần gồm: đất nước con người, kinh tế, y tế. Học phần chú trọng đến cách diễn đạt ngôn ngữ của người học khi dịch các văn bản với phong cách, thể loại, mục đích khác nhau. *Năng lực đạt được:* Người học có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản thuộc nhiều chủ đề khác nhau dựa trên kiến thức về từ vựng thuộc các lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư, giáo dục, tài chính, tiền tệ, du lịch..., các cấu trúc câu phức tạp và hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, cuộc sống và con người của Việt Nam và các nước nói tiếng Anh cũng như các quốc gia khác.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Gunilla Anderman, Margaret Rogers (1999), *Word, Text, Translation*. NXB Multilingual Matters - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Lê Hoàng, Luyện dịch Việt – *Anh với cấu trúc tiếng Anh đặc biệt*- NXB Thanh Niên
22	132023	Biên dịch 3 (2 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các kỹ năng dịch thuật nâng cao. Các bài dịch sẽ được nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với nhiều loại văn bản khác nhau như thư tín thương mại,, hợp đồng kinh tế, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí. *Năng lực đạt được:* Người học có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu,	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. The Windy- Nguyễn Thu Huyền. *Cẩm nang luyện dịch Việt - Anh.* NXB Đại học quốc gia Hà Nội. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Tập thể: Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt. NXB: Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

			quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, hợp đồng, bài báochính xác về mặt nội dung và văn phong dựa trên kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, văn phong thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.	
23	132021	Phiên dịch 1 (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần: H*ọc phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản… trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời cũng cung cấp thêm lý thuyết về các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch theo các chủ đề của đời sống xã hội cụ thể như: môi trường, văn hóa, giáo dục, công nghệ, mỹ thuật… *Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích. Sinh viên ghi nhớ thông tin ở cấp độ 2-5 câu đơn thông qua các bài tập kỹ năng như Nghe-Luyện trí nhớ, Nghe-tóm tắt nội dung, Nghe-Ghi nhanh.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Quốc Hùng (2007), Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh. Nhà xuất bản : Văn hóa Sài Gòn ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Nguyễn Đức Châu (2004) Phương pháp mới Phiên dịch, Biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh (Cuốn 1)- NXB Trẻ 2. Gile, D (2009), Basic concepts and models for interpreter and translator training. NXB: John Benjamins
24	132031	Phiên dịch 2 (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần là sự kế thừa và mở rộng các nội dung lý thuyết của Phiên dịch 1 bao gồm các nội dung về kỹ năng ghi chép ở mức độ chuyên nghiệp của dịch đuổi (consecutive) Anh – Việt và Việt – Anh, kỹ năng dịch và diễn giải, kỹ năng thuyết trình và nói trước đám đông trong các	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Robin Setton; Andrew Dawrant (2016), Conference interpreting: A complete course, NXB: John Benjamins Pub. Co., ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Andrew Gillies (2013), Conference interpreting: a

			tình huống dịch thực tế thông qua một số chủ đề về kinh tế, xã hội, môi trường, v.v… Sinh viên cũng thực hành theo nhóm các hội nghị mô phỏng, phỏng vấn, bài giảng, v.v. *Năng lực đạt được*: Sinh viên có thể tóm tắt các bài nói tiếng Anh và tiếng Việt dài từ 5 đến 10 câu với ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên phát triển kỹ năng dịch nhanh, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói các bài phát biểu, phỏng vấn, v.v.	students' Practice Book, NXB: Routledge
25	132033	Phiên dịch 3 (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các nội dung về ứng dụng các kiến thức, kỹ năng dịch nâng cao nhằm hoàn thiện khả năng dịch đuổi thông qua việc thực hành đa dạng các chủ đề: di dân, WTO, chính trị, vv. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu và đi sâu vào chuyên đề dịch song song (Simultaneous) thông qua những nội dung gần gũi với cuộc sống kết hợp với một số nội dung về kinh tế, xã hội, v.v. *Năng lực đạt được*: người học có khả năng dịch đuổi đồng thời có thể hiểu rõ các yếu tố cần thiết để dịch trực tiếp hiệu quả. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu cần thiết để hiểu và dịch chính xác bài nói và giữ nhịp độ hợp lý với người nói.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Thành Yến. (2003). Thực hành phiên dịch Anh – Việt, Việt Anh , NXB Thành phố Hồ Chí Minh - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Mikkelson, H., & Jourdenais (2015). The Routledge Handbook of Interpreting. NXB: Routledge 2. Andrews Gillies (2013). Conference Interpreting: A students' Practice Book. NXB: Routledge.
26	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần*: Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp (A2) để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè, ăn uống, thể	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2.NXB:* Richmond. 2. Jack, C.Richards. (2010). *Basic Tactics for Listening*

			thao, du lịch, mua sắm, công việc. - *Năng lực đạt được:* Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; đưa ra lời đề nghị, thuyết phục, mời mọc, từ chối, nhận lời, có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 về kỹ năng nghe, nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	*3rd Edition. NXB* Oxford University Press. - ***Tài liệu tham khảo:*** *1. Cambridge Key English Test 6.* (2015). NXB Cambridge University Press. 2. *Cambridge Key English Test 7.* (2015). NXB Cambridge University Press
27	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1(3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần*: Học phần gồm các bài đọc ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, thức ăn và sức khỏe, công việc, thể thao, vui chơi giải trí và cách viết câu có liên từ đơn giản,viết sơ yếu lý lich, viết ghi chú, viết tin nhắn, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả đơn giản. - *Năng lực đạt được:* Về kỹ năng đọc, người học đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc. Về kỹ năng viết, người học biết viết các cụm từ, câu có dùng liên từ, các tin nhắn, ghi chú, blog, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2, NXB* .Richmond. 2. Neil J.Anderson (2001). *Active Skills for Reading/INTRO*. NXB: Heine and Heine. 3. Alice Savage & Patricia Mayer.(2007). *Effective Academic Writing 1*. NXB CUP ***- Tài liệu tham khảo:*** *1. Cambridge Key English Test 6.* (2015). NXB Cambridge University Press. 2. *Cambridge Key English Test 7.* (2015). NXB Cambridge University Press.
28	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần*: Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng giao tiếp ở mức độ trung cấp (B1) liên quan đến 12 chủ đề bài học gồm: Sự kiện trong quá khứ; đời sống sinh viên; các vấn đề toàn cầu; các mục tiêu trong cuộc sống; sức khoẻ và sở thích; mô tả người và vật; điện ảnh; lễ kỉ	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B1+, NXB* .Richmond. 2. Jack, C.Richards. (2010). Developing Tactics for Listening 3rd Edition. NXB Culture-Information Press

			niệm; đời sống tuổi vị thành niên; kì nghỉ; dịch vụ; giải quyết vấn đề. - *Năng lực đạt được*: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn, xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp ở mức độ B1; để giao tiếp, đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi, kiểm tra, xác nhận thông tin tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc hằng ngày và các chủ đề không quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của bản thân; để giải thích vấn đề nảy sinh, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa cơ bản. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	- ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008)., .NXB Cambridge University Press 2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). NXB . Cambridge University Press. 3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). NXB . Cambridge University Press
29	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2 (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần gồm các bài đọc hiểu về các chủ đề: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật...; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ, xác định ý chính, ý bổ trợ, xác định nguyên nhân, kết quả, sự thật, kỹ năng viết câu chủ đề, câu lập luận, viết văn kể truyện, tường thuật và viết đoạn văn ngắn. - *Năng lực đạt được:* Người học đọc hiểu được các văn bản về các chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc; Người học biết cách viết đoạn văn có lập luận đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle (2016). Achievers B1+ NXB Richmond 2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 1. Third Edition. NXB Heine Cengage Learning 3. Alice Savage & MasoudShafiei (2008). Effective Academic Writing 1. NXB CUP - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008)., .NXB Cambridge University Press 2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). NXB .

			tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Cambridge University Press 3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). NXB . Cambridge University Press
30	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc, kỹ thuật nghe nói dùng để thể hiện những thay đổi trong cuộc sống; những quyết định khó khăn; tin tức; kế hoạch; văn hoá; chất lượng kinh doanh; sự phát triển của thành phố, các vấn đề toàn cầu... - *Năng lực đạt được:* Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, cấu trúc vào các tình huống giao tiếp thực tế như nghe hiểu các bài nói về các chủ đề quen thuộc; hiểu được ý chính, các lập luận khá phức tạp của các bài nói được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn; giao tiếp khá độc lập về nhiều chủ đề, biết lập luận, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách khá rõ ràng mạch lạc, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1+ .NXB Richmond - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Jack, C.Richards. (2011). Expanding Tactics for Listening- third edition. NXB Oxford University Press 2. Cambridge Preliminary English Test 8 (2014). (PET). NXB Cambridge University Press. 3. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). NXB . Cambridge University Press.
31	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc.Người học được trang bị các kỹ năng đọc gồm và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Nội dung bài dạy viết	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1+. NXB Richmond. 2. Neil J.Anderson (2013). ***Active Skills for Reading 2***, Third Edition. NXB Heine Cengage Learning. 3. Alice Savage &MasoudShafiei.(2008). ***Effective Academic Writing2***, NXB Cambridge University Press - ***Tài liệu tham khảo:***

			cung cấp một số từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết và các bài viết mẫu. Người học thảo luận theo nhóm, theo cặp về các bài viết mẫu, thực hành đặt câu theo các cụm từ cho sẵn trong bài mẫu, thảo luận trước khi thực hành viết các loại bài tập viết khác nhau - *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đọc hiểu những bài đọc thực tế đa dạng, phức tạp ở mức độ tiền B2; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết thư than phiền, thư cảm ơn, xin lỗi, thư yêu cầu, thư xin học bổng, xin gia nhập 1 tổ chức, xin việc; sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết bài luận ngắn ý kiến, tường thuật, nguyên nhân và kết quả. Ngoài ra, người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp; năng lực tự học, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng đọc-viết Kết thúc học phần người học đạt trình độ tiền B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	1. Cambridge Preliminary English Test 8. (2016). NXB Cambridge University Press. 2. Cambridge First Certificate in English 4 (2010). NXB Cambridge University Press.
32	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng nghe nói nâng cao (B2) về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hôi, khoa học và công nghệ. - *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói phức tạp về các chủ đề	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond. 2. Jo Tomlinson & Fiona Aish. (2011). Listening for IELTS. NXB HarperCollins. ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). NXB

			đa dạng ở mức độ B2; để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề một cách tương đối trôi chảy và lưu loát; để giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ đích một cách khá lưu loát, tự nhiên và duy trì được các cuộc hội thoại để tạo dựng mối quan hệ lâu dài mà không làm khó cho cả hai bên; Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp; Người học có năng lực tự học, tự tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe - nói. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (tương đương B2 mức 1) kỹ năng nghe nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Cambridge University Press. 2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press. 3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge University Press
33	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hôi, khoa học và công nghệ …; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét... - *Năng lực đạt được:* Người học đọc hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các chủ đề đã học; có kỹ năng viết bài luận dài, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp, tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau, có thể viết bài mô tả biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu; có thể viết bài luận phân tích tiến trình, nêu nguyên nhân, kết quả, phân loại. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond. 2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 3, Third Edition. NXB Richmond 3. Alice Savage &MasoudShafiei.(2008). Effective Academic Writing3. NXB Cambridge University Press. - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003).NXB Cambridge University Press. 2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press 3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge University Press

			cho Việt Nam.	
34	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, cấu trúc ở mức độ tiền C1 liên quan đến các chủ đề như: các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị, giáo dục, du lịch, thương mại v.v. Những kỹ năng nghe nói như thuyết trình, thảo luận, suy luận. - *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói dài, các tranh luận hoặc các thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ đề phức tạp và trừu tượng ở mức độ tiền C1. Có thể sử dụng vốn từ lớn, sử dụng được lối nói vòng vo để xử lý tình huống khi thiếu từ, diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời mà hầu như không gặp khó khăn. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 thấp theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. NXB Richmond. 2. Barry Cusach & Sam Mc Carter (2007) Improve your skills for IELTS: listening and speaking skills NXB Macmillan Education ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). NXB Cambridge University Press. 2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge University Press. 3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge University Press.
35	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm những bài đọc ở mức độ khá phức tạp về các chủ đề khác nhau như: nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu…; kỹ năng mô tả biểu đồ hình tròn, sơ đồ luồng, sơ đồ chỉ mối quan hệ, quá trình, hoạt động...; kỹ năng viết nhiều thể loại bài luận nêu thuận lợi và không thuận lợi, bài luận đề xuất giải pháp, bài luận nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp, nêu vấn đề và đề xuất giải pháp - *Năng lực đạt được:* Người học đọc hiểu được các ý chính, bước đầu hiểu các hàm ý trong nhiều loại văn bản dài, khá phức tạp thường gặp trong môi trường công việc hay học thuật; có thể mô tả biểu	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. NXB Richmond. 2. Els Van Geyte. (2011). Reading for IELTS. NXB HarperCollins Publisher.a 3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). Ielts Advantage Writing Skills. NXB Delta ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press. 2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge

			đồ hình tròn, sơ đồ luồng, sơ đồ chỉ mối quan hệ, quá trình, hoạt động...; kỹ năng viết nhiều thể loại bài luận nêu thuận lợi và không thuận lợi, bài luận đề xuất giải pháp, bài luận nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp, nêu vấn đề và đề xuất giải pháp . Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	University Press. 3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge University Press.
36	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, các cách diễn đạt và các cấu trúc câu phức hợp mang tính học thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội; các kiến thức lý thuyết và chiến lược cho các kỹ năng nghe hiểu các dạng bài phức tạp khác nhau và thực hành kỹ năng nói theo cá nhân, cặp hoặc nhóm thông qua các tình huống giao tiếp, chủ đề thảo luận và các dự án theo từng nội dung bài học. - *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng để nghe hiểu những bài nói phức tạp về các chủ đề đa dạng ở mức độ C1 (Bậc 5 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam); để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề một cách trôi chảy và lưu loát; để giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ đích một cách thông thạo và duy trì được các cuộc hội thoại để tạo dựng mối quan hệ lâu dài. Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp. Người học có năng lực tự học, tự tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe - nói.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Joanna Preshous. (2014). Improving your skills: Listening & Speaking for IELTS 6.0-7.5 , NXB Macmillan 2. Karen Kovacs. (2011). Speaking for IELTS. NXB HarperCollins - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge english ielts 13 (2011). NXB Cambridge University Press. 2. Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press 3. Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press

37	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6 (3 tín chỉ)	- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các văn bản dài chứa đựng vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ cao, phức tạp; những kỹ năng đọc, viết các loại bài luận khác nhau ở cấp độ cao. - *Năng lực đạt được:* Người học đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp trong đời sống xã hội, môi trường công việc hay học thuật; xác định được thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; có thể viết bài mô tả bản đồ, biểu đồ kép, viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết thể hiện ý kiến, thảo luận hai mặt của một vấn đề với các bằng chứng, ví dụ cụ thể. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Jane Short (2014). Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5. NXB Macmillan. 2. Young Kim (2017). The best preparation for IELTS writing. NXB Nhan Tri Viet - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Cambridge English IELTS 13. (2011). NXB Cambridge University Press. 2.Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press. 3.Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press.
III. Kiến thức bổ trợ				
38	132060	Tiếng Anh kinh tế (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần cung cấp cho người học có kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế bằng tiếng Anh như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra người học còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế tiếng Anh trong đó người học sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Simon Sweeney (2004). *Communicating in business*. Cambridge University Press. - **Tài liệu tham khảo:** 1. Bill Mascull (2003). *Business vocabulary in use*. CUP.

			cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp. *Năng lực đạt được:* Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế như thư tín, các hợp đồng kinh tế đơn giản.	
39	131085	Văn hoá Anh – Mỹ (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ. *Năng lực đạt được*: Người học có khả năng trình bày đươc các vấn đề về lịch sử, văn hóa các nước Anh – Mỹ, hệ thống giáo dục, chính trị, thể lệ bầu cử trong các quốc gia này. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp bằng tiếng Anh, có thể thực hiện nghiên cứu về văn hóa, xã hội, giáo dục, v.v... Môn học tạo môi trường học tập tích cực, chủ động thông qua các hoạt động nhóm, thuyết trình theo chủ đề hàng tuần.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Paul Norbury (2015) ,Culture smart! Britain- NXB Culture smart 2. GARY ALTHEN (2003), American ways. NXB Longman ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Milada Broukal. (1993). Introducing the USA: A cultural reader. NXB Longman.
40	132058	Văn học Anh – Mỹ	*Nội dung học phần*: Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20. - Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết,	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. KATE FLINT (2012), the cambridge history of VICTORIAN LITERATURE- NXB Cambridge University Press ***- Tài liệu tham khảo:***

			truyện ngắn, kịch và thơ. - Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm. - Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu. *Năng lực đạt được*: Người học vận dụng được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ để đánh giá được giá trị hiện thực của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.	1. Digvijay Pandya, - History of English literature- NXB Lovely Professional University
41	132061	Tiếng Anh du lịch (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Các chủ đề bài học có liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lữ hành. Các từ vựng, các chủ đề phù hợp để phát triển 4 kĩ năng giao tiếp trong ngành quản lí du lịch, khách sạn và lữ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ…trong tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns). *Năng lực đạt được*: Sinh viên có những hiểu biết căn bản về ngành quản trị du lịch khách sạn và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh. Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành để đọc tài liệu và giao tiếp trong lĩnh vực quản lí du lịch, khách sạn và lữ hành. Giao tiếp được bằng tiếng Anh với cac chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Robin walker, keith harding(2006), Oxford English for careers: Tourism1: Student's book- NXB Oxford - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Trish Stott & Angela Buckingham (2009), At your Service. NXB Oxford University Press 2. Michael Duckworth (2000), High Season, NXB Oxford University Press 3. English for International Tourism Textbook and Workbook. NXB Longman, Năm XB 2007.

			trôi chảy những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Có khả năng viết diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác	
42	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	233056	Kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần Kỹ năng thuyết trình gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình. *Năng lực đạt được*: Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình bằng các loại ngôn ngữ lời nói và phi lời nói trong thuyết trình để nâng cao năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn hoặc dài có liên quan đến các chuyên ngành học khác nhau một cách thuyết phục và chuyên nghiệp.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Mark Powell. (2003). Presenting in English. NXB Cambridge University Press - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Petey Young, (2006), Writing and Presenting in English. The Rosetta Stone of Science- NXB Elsevier Science

b	132027	Phong cách học (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kĩ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp. *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kĩ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Laura Wright and Jonathan Hope (1996), Stylistics a practical coursebook- NXB Routledge - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Murray Knowles and Rosamund Moon (2006), Introducing metaphor- NXB Routledge
43	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần gồm những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,…; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, …; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, …; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Người học đồng thời tìm	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Nguyễn Hoà, (2004). Understanding English Semantics. NXB ĐHQG Ha Noi - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Hurford (2007), Semantics: a coursebook-NXB Cambridge 2. Stuart Redman, (2013). English vocabulary in use. NXB Cambridge University

			hiểu về các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh. *Năng lực đạt được*: Người học vận dụng phân tích cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.	
b	132065	Ngữ dụng học (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v... *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Joan Cutting (2002), Pragmatics and Discourse - A Resource Book for Students , NXB Routledge ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Klaus P. Schneider (2008), Variational Pragmatics- NXB John Benjamins 2. Jacob L.Mey. (1992). Pragmatics: An Introduction. NXB Blackwell
44	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	132052	Giao thoa	*Nội dung học phần:*	***- Tài liệu bắt buộc:***

		văn hoá (2 tín chỉ)	Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu,giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen (small talks), đề tài nói chuyện sau làm quen,khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại (conversation patterns) và phong cách hội thoại (conversation styles) của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói (non-verbal communications) bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi… Ngoài ra, học phần cũng góp phần nâng cao các kỹ năng toàn diện cho sinh viên trong việc học tiếng Anh, thông qua việc nghe giảng bằng tiếng Anh, đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, làm bài tập lớn bằng tiếng Anh và trình bày một vấn đề liên quan đến những nội dung trên bằng ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, ngừoi học còn được tạo điều kiện được thực hành một số kỹ năng giao tiếp văn hoá các nước nói tiếng Anh sau khi học lý thuyết. *Năng lực đạt được:* Sau khi học xong người học sử dụng được các quy tắc giao tiếp, cấu trúc giao tiếp và phong cách giao tiếp bằng tiếng Anh của những người bản ngữ. Đồng thời, người học phân biệt được đặc điểm khác biệt trong văn hóa giao tiếp giữa người Việt	1. Scott F. Kiesling, Christina Bratt Paulston (2005), Intercultural discourse and communication- NXB Wiley-Blackwell - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Athen, G. (1988). *American ways. NXB : International Press Inc.* 2. Trần Ngọc Thêm (2000). *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo Dục.

			với người ở các nước nói tiếng Anh để tránh những lỗi khi giao tiếp với người các nước nói tiếng Anh. Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Có thể điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại, phong cách hội thoại và ngôn ngữ cơ thế và cử chỉ khi giao tiếp không dùng lời nói của các nước nói tiếng Anh. Hiểu biết về xung đột văn hoá, sốc văn hoá và biết cách nhận biết và điều chỉnh để thích nghi khi bị sốc văn hóa khi giao tiếp với người bản ngữ.	
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các với các bình diện phạm trù như lịch sự, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp , v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown & Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-TRoike, Levine & Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang. *Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được các nội dung cơ bản của học phần vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sự, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv… vào giao tiếp của bản thân.	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. Larry A. Samovar, Richard E. Porter (2002), Intercultural communication: A reader- NXB Wadsworth - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Maryanne K, JoAnn C & Edward N (2005). American Ways:An Introduction to American Culture., NXB :longman 2. Hofstede, G. (2004). Cultures and organizations: Software of the mind. NXB McGraw–Hill
45	*Chọn 1 trong 2 học phần*			
a	132024	Ngôn ngữ	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các	- ***Tài liệu bắt buộc:***

		học tri nhận (2 tín chỉ)	bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu gồm các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến Ngôn ngữ học tri nhận. Mỗi bài học sẽ gồm các phần lý thuyết và vận dụng. Các nội dung môn học gồm: Khái quát về Ngôn ngữ học tri nhận, các khái niệm, đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của các chức năng ngôn ngữ, Học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng của người học thông qua các hoạt động như: yêu cầu người học thảo luận trong nhóm để chuẩn bị bài trình bày, làm bài tập lớn; trình bày trước lớp một vấn đề liên quan đến môn học. Người học cũng được phát huy khả năng tìm kiếm và tiếp cận thông tin về môn học có sẵn ở các nguồn khác ngoài giảng viên, có tinh thần độc lập trong học tập. SV tham khảo thêm các dạng thức bài tập có thể ứng dụng chuẩn bị bài trình bày, tham luận, thảo luận, vv…. Ngoài ra, thông qua quá trình chuẩn bị và trình bày, người học phát triển và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết bằng tiếng Anh. *Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.	1. Lee, D. (2001). Cognitive Linguistics – NXB. OUP - ***Tài liệu tham khảo:*** 1. Dirk , G; Hubert, C. (2007). The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics. NXB Oxford University Press
b	132063	Phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò	- ***Tài liệu bắt buộc:*** 1. James Paul Gee (1999), An Introduction to discourse analysis- NXB Routledge - ***Tài liệu tham khảo:***

			của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diến ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ. *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.	1. Paul Baker, Sibonile Ellece (2011), Key Terms in Discourse Analysis- NXB Continuum International Publishing Group 2. James Paul Gee (2011), How to do Discourse Analysis- NXB Routledge 3. James Paul Gee (2017), Introducing Discourse Analysis: From Grammar
IV. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp				
46	132010	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	Sinh viên có cơ hội cọ xát với công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh, đặc biệt công tác biên phiên dịch; Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp; Sinh viên có khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc. Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tình thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.	
47	132068	Khoá	- *Nội dung học phần:* Sinh viên được tự lựa chọn	***- Tài liệu bắt buộc:***

		luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	một đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực dạy học tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh dưới sự tư vấn của giảng viên hướng dẫn và hội đồng xét duyệt đề cương của bộ môn. Sinh viên được sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn sẽ thực hiện nghiên cứu với các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và đạt được một báo cáo khoa học có chất lượng của ngành đào tạo. - *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện nghiên cứu các vấn đề từ góc độ phương pháp dạy học tiếng Anh và ngôn ngữ Anh.	1. Nguyen Thi Thuy Minh, Pham Minh Tam & Luong Quynh Trang. Research Methodology. Trường Đại học Ngoại Ngữ-Đại học Quốc Gia Hà Nội ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/
48	*Học phần thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phần)*			
a	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ. *Năng lực đạt được:* Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt như ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ, ngôn ngữ và hành vi giao tiếp và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Willems, Defrancq, Colleman and Noel (2003), Contrastive analysis in Language-NXB MacMillan, Palgrave ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Andrew, Chesterman (1998), Contrastive functional analysis-NXB John Benjamins.
b	132008	Công nghệ trong dịch thuật (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các vấn đề về tầm quan trọng của công nghệ trong dịch thuật, kĩ năng xử lý văn bản sử dụng các phần mềm, định dạng tập tin và phục hồi bộ nhớ dịch. Cách sử dụng cabin dịch, cách cài đặt và ứng dụng một số	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Frank Austermuhl (2001), Electronic tool for translators- NXB Routledge ***- Tài liệu tham khảo:***

			phần mềm dịch. *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụngc cán phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv… để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv…	1. C. K. Quah (auth.) (2006), Translation and Technology- NXB Palgrave Macmillan UK. 2. María Luisa Carrió-Pastor (2016), Technology Implementation in Second Language Teaching and Translation Studies: New Tools, New Approaches- NXB Springer Singapore
c	132028	Ngôn ngữ học xã hội (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội (Socio-linguistics) như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; các khái niệm cơ bản như biến thể, biến ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các nhân tố và chiều kích xã hội v.v; các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ. *Năng lực đạt được*: Sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ , vvv	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Janet Holmes (2013). *An introduction to Sociolinguistics* – NXB Routledge ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Rajend Mesthrie & Rakesh M. Bhatt (2006), *World Englishes: The study of new English varieties.* NXB Cambridge

d	132037	Văn hoá doanh nghiệp (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần Văn hoá doanh nghiệp (Cross-cultural business communication) bao gồm các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp của Việt Nam và của các doanh nghiệp nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn giúp người học phân biệt đặc trưng trong giao tiếp của các nền văn hoá, các cách thức giao tiếp của những người thuộc các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cung cấp thêm các nội dung nhằm đưa ra những gợi ý để giải quyết một số vấn đề thường gặp khi sống và làm việc trong một môi trường đa văn hoá như sốc văn hoá, rào cản về ngôn ngữ và những hạn chế trong hiểu biết về ngôn ngữ cử chỉ. *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Simon Sweeny, English for business communication. NXB CUP ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Trần Nhoãn, Văn hóa doanh nghiệp-NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
e	132210	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3 tín chỉ)	*Nội dung học phần*: Học phần gồm các nội dung về các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực SLA, khái quát quy trình tiếp thụ ngôn ngữ: sự giống và khác nhau trong quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học quá trình tiếp thụ ngôn ngữ nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học và xã hội học, và lượng kiến thức ngôn ngữ thứ hai cần đạt được để thực hiện các chức năng giao tiếp xã hội và trong học thuật. *Năng lực đạt được*: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để vận dụng	***- Tài liệu bắt buộc:*** 1. Ellis, R. (1997), Second language acquisition- NXB OUP ***- Tài liệu tham khảo:*** 1. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina (1999), *How Languages are Learned* NXB : Oxford University Press. 2. Murial Saville-Troike (2006), Introducing second language acquisition. NXB CUP

			linh hoạt trong quá trình trình làm luận văn hoặc làm nghiên cứu về lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có khả năng mô tả lô gíc về tiến trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có năng lực làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có năng lực giải thích, thuyết trình lưu loát, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2.	

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		**Năm thứ hai**	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
- Triết học Mác-Lênin (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) - Môi trường và con người (2TC) - Ngữ pháp (3TC) - Kỹ năng Nghe Nói 1 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 1 (3TC)	- Kinh tế chính trị MLN (2TC) - Tin học (2TC) - Tâm lý học đại cương (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 2 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 2 (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngữ âm – Âm vị (3TC) - Luyện phát âm tiếng Anh (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Xã hội học đại cương (2TC) - Các vấn đề xã hội đương địa	- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) - Pháp luật đại cương (2TC) - Ngữ pháp nâng cao (3TC) - Lý thuyết dịch (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 3 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 3 (3TC)	- Lịch sử ĐCSVN (2TC) - Tư tưởng HCM (2TC) - PPNCKH chuyên ngành TA (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 4 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 4 (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngoại ngữ II-1: Tiếng Pháp (4TC) - Ngoại ngữ II-1: Tiếng Trung Quốc (4TC)

	(2TC)		
Năm thứ ba		**Năm thứ tư**	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
- Biên dịch 1 (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 5 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 5 (3TC) - Văn hoá Anh – Mỹ (2TC) - Tiếng Anh kinh tế (2 TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngoại ngữ II-2: Tiếng Pháp 2 (3TC) - Ngoại ngữ II-2: Tiếng Trung Quốc 2 (3TC)	- Biên dịch 2 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 6 (3TC) - Phiên dịch 1 (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngoại ngữ II-3: Tiếng Pháp 3 (3TC) - Ngoại ngữ II-3: Tiếng Trung Quốc 3 (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Từ vựng – Ngữ nghĩa (2TC) - Ngữ dụng học (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Kỹ năng thuyết trình (2TC) - Phong cách học (2TC)	- Biên dịch 3 (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 6 (3TC) - Văn học Anh – Mỹ (2TC) - Phiên dịch 2 (3TC) - Tiếng Anh du lịch *Chọn 1 trong 2 học phần: - Giao thoa văn hoá (2TC) - Giao tiếp liên văn hoá (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngôn ngữ học tri nhận (2TC) - Phân tích diễn ngôn (2TC)	- Phiên dịch 3 (3 TC) - Thực tập tốt nghiệp (5TC) - Khoá luận tốt nghiệp (6TC) *Học phần thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phần): - Ngôn ngữ học đối chiếu (3TC) - Công nghệ trong dịch thuật (3TC) - Ngôn ngữ học xã hội (3TC) - Văn hoá doanh nghiệp (3TC) - Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3TC)

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT															
	Kiến thức							Kỹ năng					Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Triết học Mác-Lênin	1															
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1														
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1														
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2															
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3															
Pháp luật đại cương	3															
Tiếng Pháp 1								1								
Tiếng Pháp								2								

2																
Tiếng Pháp 3								3								
Tiếng Trung Quốc 1								1								
Tiếng Trung Quốc 2								2								
Tiếng Trung Quốc 3								3								
Tin học			3													
Cơ sở văn hóa Việt Nam		2				1										
Môi trường và con người		2														
PPNCKH chuyên ngành tiếng Anh				3								3			3	
Tâm lý học đại cương		2														
Xã hội học đại cương		3														
Các vấn đề xã hội		3														

đương đại																
Ngữ pháp				1												
Ngữ pháp nâng cao				2												
Ngữ âm – Âm vị học				3												
Luyện phát âm tiếng Anh				3												
Lý thuyết dịch							1									
Biên dịch 1							1			1			1			
Biên dịch 2							2			2			2			
Biên dịch 3							3			3			3			
Phiên dịch 1							1			1			1			
Phiên dịch 2							2			2			2			
Phiên dịch 3							3			3			3			
Kỹ năng Nghe Nói 1									1							
Kỹ năng Đọc Viết 1									1							
Kỹ năng Nghe Nói 2									1							
Kỹ năng Đọc Viết 2									1							

Kỹ năng Nghe Nói 3									2							
Kỹ năng Đọc Viết 3									2							
Kỹ năng Nghe Nói 4									2							
Kỹ năng Đọc Viết 4									2							
Kỹ năng Nghe Nói 5									3							
Kỹ năng Đọc Viết 5									3							
Kỹ năng Nghe Nói 6									3							
Kỹ năng Đọc Viết 6									3							
Tiếng Anh kinh tế														2		
Văn hoá Anh – Mỹ						2										
Văn học Anh – Mỹ						2										
Tiếng Anh du lịch														2		
Kỹ năng												3				

thuyết trình																
Phong cách học					2											
Từ vựng – Ngữ nghĩa học					3											
Ngữ dụng học					3											
Giao thoa văn hoá						3										
Giao tiếp liên văn hoá						3										
Ngôn ngữ học tri nhận							3									
Phân tích diễn ngôn							3									
Thực tập tốt nghiệp											3	3		3	3	3
Khoá luận tốt nghiệp				3							2				3	3
Ngôn ngữ học đối chiếu							3									
Công nghệ trong dịch thuật			2										3			

Ngôn ngữ học xã hội							2									
Văn hoá doanh nghiệp											1			2		
Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai							2									

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 8 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hoằng Bá Huyền

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Quyết